

Thư mục ấn phẩm nghiên cứu của Giáo sư Nguyễn Thế Anh
(tính đến 2022)

Việt Anh biên soạn, 05/2022.

Ouvrages en nom propre et direction d'ouvrages

1. *Bibliographie critique sur les relations entre le Viêt-Nam et l'Occident*, Paris: G.-P. Maisonneuve & Larose, 1967, 310 tr.
2. *Bán đảo Ấn-độ từ 1857 đến 1947 (Các nét chính của sự diễn biến đã tạo thành Ấn-Độ và Hồi-quốc ngày nay)*, Sài Gòn: Trình Bày, 1968; tái bản: Sài Gòn: Lửa Thiêng, 1971.
3. *Kinh tế và xã hội Việt-Nam dưới các vua triều Nguyễn*, Sài Gòn: Trình Bày, 1968; tái bản: Sài Gòn: Lửa Thiêng, 1970, 343tr..; Hà Nội: Văn Học, 2008, 301 tr.; Hà Nội: Hội Nhà văn, 2019, 356 tr.
4. *Lịch sử Hoa-kỳ từ độc lập đến Chiến tranh Nam Bắc*, Sài Gòn: Lửa Thiêng, 1969, 176 tr.
5. *Việt-Nam dưới thời Pháp đô hộ*, Sài Gòn: Lửa Thiêng, 1970, 391 tr..; tái bản: Sài Gòn: Trung The Vietnamese Confucian Literati and the Problem of Nation-Building in the Early Twentieth Century tâm Sản xuất Học liệu, 1974, 279 tr. và hình minh họa.; Hà Nội: *Việt Nam thời Pháp đô hộ*, Văn Học, 2008, 347 tr.; Hà Nội: Khoa học xã hội, 2017, 308 tr.
6. *A survey of the history of Vietnam*, Saigon: Directorate of Cultural Affairs, Ministry of State in Charge of Cultural Affairs, 1970, 39 tr. Trong *Vietnam culture series* ; n.11.
7. *Khí hậu học: Đại cương và các khí hậu nóng*, Sài Gòn: Lửa Thiêng, 1971.
8. *Lịch sử các quốc gia Đông Nam Á (trừ Việt-Nam) từ nguyên sơ đến thế kỷ XVI*, Sài Gòn: Lửa Thiêng, 1972, 159 p.
9. *Phong trào kháng thuế miền Trung năm 1908 qua các châu bản triều Duy-Tân*, Sài Gòn: Tủ sách Sử học: Bộ Văn hóa Giáo dục và Thanh niên, 1973, 187 tr.. ; tái bản: Hà Nội: Văn Học, 2008, 220 p.
10. *Nhập môn phương pháp sử học*, Sài Gòn: Sài Gòn, 1974, 114 tr.; tái bản: *Phương Pháp Sử Học : Những Nguyên Tắc Căn Bản*, Hà Nội: Tri Thức, 2018, 212 tr.
11. *Le Đại Việt et ses voisins, d'après le Đại Việt Sử Ký Toàn Thư*, Bùi Quang Tung và Nguyễn Hương phiên dịch, Nguyễn Thế Anh hiệu đính và chú giải. Paris: L'Harmattan, 1990, 114 tr., 5 bản đồ.
12. *Monarchie et fait colonial au Viêt-Nam (1875-1925): Le crépuscule d'un ordre traditionnel*. Paris: L'Harmattan, 1992, 311 tr.
13. *Notes sur la culture et la religion en Péninsule indochinoise, en hommage à Pierre-Bernard Lafont*, Nguyễn Thế Anh và Alain FOREST chủ biên, Paris: L'Harmattan, 1995, 252 tr.
14. *Guerre et paix en Asie du Sud-Est*, Nguyễn Thế Anh và Alain Forest chủ biên. Paris: L'Harmattan, 1998, 336 tr.

15. *Commerce et navigation en Asie du Sud-Est, XIVe-XIXe siècles – Trade and navigation in Southeast Asia, 14th-19th centuries*, Nguyễn Thế Anh và Yoshiaki Ishizawa chủ biên. Paris: L'Harmattan, 1999, 190 tr.
16. *L'Asie orientale et méridionale aux XIXe et XXe siècles. Chine, Corée, Japon, Asie du Sud-Est, Inde*. Hartmut O. Rotermond, Alain Delissen, François Gipouloux, Claude Markovits, Nguyễn Thế Anh. Paris: Presses Universitaires de France (Nouvelle Clio), 1999, 546 tr.
17. *Into the Maelstrom: Vietnam during the Fateful 1940s*, Westminster, CA: Viện Việt-Học, 2005, 53 tr. Trong *Vietnam Culture Series n. 3*.
18. *Parcours d'un historien du Viêt Nam: Recueil des articles écrits par Nguyễn Thế Anh*. Paris: Les Indes Savantes, 2008, 1026 tr.
19. *Việt-Nam, un voyage dans son histoire*, Paris: La Frémillierie, 2009, 219 tr.
20. *Theo dòng lịch sử*, Tp Hồ Chí Minh: nxb Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh, 367 tr.
21. *Việt Nam vận hội*, Hà Nội: Hội Nhà văn, 2020, 374 tr.

Articles et chapitres d'ouvrages

1. "L'Angleterre et le Viêt-Nam en 1803: la mission de J.W. Roberts", *Bulletin de la Société des Etudes Indochinoises*, n. 4, Sài Gòn : 1965, tr. 337-347.
- 1 bis. *Parcours d'un historien du Viêt Nam: Recueil des articles écrits par Nguyễn Thê Anh*, Paris : Les Indes Savantes, 2008, tr.129-135.
2. "An English memoir on Viêt-Nam (1803)", *Văn Hóa Nguyệt San*, n. 8-9, Sài Gòn: 1965, tr. 1365-1377.
- 2 bis. *Parcours d'un historien du Viêt Nam: Recueil des articles écrits par Nguyễn Thê Anh*, Paris : Les Indes Savantes, 2008, tr. 136-144.
3. "Les sources de l'histoire du Viêt-Nam dans les dépôts d'archives européens", *Văn Hóa Nguyệt San*, n.12, Sài Gòn: 1965, tr. 1907-1914.
4. "Thuyết Mác-Xít và sự giải thích lịch sử bằng những nguyên nhân kinh tế và xã hội", *Sử Địa*, n.2, Sài Gòn : Khai Trí, 1966, tr. 29-34.
- 4 bis. *Việt Nam vận hội*, Hà Nội: Hội Nhà văn, 2020, tr. 113-118.
5. "Vấn đề lúa gạo ở Việt-Nam trong tiền bán thế kỷ XIX", *Sử Địa*, n.6, Sài Gòn : Khai Trí, 1967, tr. 6-16.
- 5bis. "Quelques aspects économiques et sociaux du problème du riz au Viêt-Nam dans la première moitié du XIXe siècle", *Bulletin de la Société des Etudes Indochinoises*, n. 1-2, Sài Gòn : 1967, tr. 5-22.
- 5ter. *Parcours d'un historien du Viêt Nam: Recueil des articles écrits par Nguyễn Thê Anh*, Paris : Les Indes Savantes, 2008, tr. 171-183.
6. « Phan Thanh Giản dưới mắt người Pháp qua vài tư liệu », *Sử Địa*, n.6-7, Sài Gòn : Khai Trí, 1967, tr. 22-34
- 6bis. *Việt Nam vận hội*, Hà Nội: Hội Nhà văn, 2020, tr. 277-290.
7. "Les publications de documents historiques dans la République du Viêt-Nam depuis 1955", *Bulletin de la Société des Etudes Indochinoises*, n.1, Sài Gòn :1968, tr. 53-60.
- 7bis. *Parcours d'un historien du Viêt Nam: Recueil des articles écrits par Nguyễn Thê Anh*, Paris : Les Indes Savantes, 2008, tr. 921-927.
8. "Evolution morphologique du bassin de l'Adour", *Service de la Carte de la Végétation, Les bases biogéographiques de l'aménagement de la haute vallée de l'Adour*. Paris: Editions du Centre National de la Recherche Scientifique, 1969, tr. 11-19.
- 8bis. *Parcours d'un historien du Viêt Nam: Recueil des articles écrits par Nguyễn Thê Anh*, Paris : Les Indes Savantes, 2008, tr. 955-961.
9. "« Evolution de la mise en valeur agricole », *Service de la Carte de la Végétation, Les bases biogéographiques de l'aménagement de la haute vallée de l'Adour*. Paris: Editions du Centre National de la Recherche Scientifique, 1969, tr. 73-87.

9bis. « L'évolution de la mise en valeur agricole de la vallée de l'Adour », *Parcours d'un historien du Viêt Nam: Recueil des articles écrits par Nguyễn Thê Anh*, Paris : Les Indes Savantes, 2008, tr. 962-976.

10. “Présentation d'ouvrages récents sur l'histoire vietnamienne”, *Bulletin de la Société des Études Indochinoises*, n.4, Sài Gòn : 1970, tr. 83-88.

10bis. *Parcours d'un historien du Viêt Nam: Recueil des articles écrits par Nguyễn Thê Anh*, Paris : Les Indes Savantes, 2008, tr.939-943.

11. « L'ère giới thiệu », *Lịch sử chữ quốc ngữ 1620-1659*, Đỗ Quang Chính, Sài Gòn: Ra Khoi, 1972, tr. 5-6; tái bản: Paris: Tủ sách Đường Mới, 1985.

12. “Périodiques et collections du Viêt-Nam intéressant le géologue”, *Archives Géologiques du Viêt-Nam* n.15 [Viêt-Nam Địa-chất khảo-lục số 15], Nguyễn Thê Anh & Henri Fontaine chủ biên, Bộ Công-Kỹ-Nghệ, Nha Khoáng Chất, Sở Địa-Chất; Sài Gòn : 1972, tr. 149-160.

13. “Thử xét lại các nguyên nhân của phong trào kháng thuế miền Trung năm 1908”, *Nghiên Cứu Viêt-Nam*, Sài Gòn : 1973, tr. 5-10.

13bis. *Parcours d'un historien du Viêt Nam: Recueil des articles écrits par Nguyễn Thê Anh*, Paris : Les Indes Savantes, 2008, tr.212-216.

14. “Bản qui chế giáo dục năm 1906”, *Nghiên Cứu Viêt-Nam*, Sài Gòn : 1973, tr. 225-233.

14bis. *Parcours d'un historien du Viêt Nam: Recueil des articles écrits par Nguyễn Thê Anh*, Paris : Les Indes Savantes, 2008, tr.847-853.

15. “Sự khủng hoảng của giai cấp lãnh đạo Viêt-Nam trong những năm đầu thế kỷ thứ XX”, *Khoa Học Nhân Văn*, Sài Gòn : 1973, tr. 139-146.

15bis. *Việt Nam vận hội*, Hà Nội: Hội Nhà văn, tr. 291-301.

16. “Le rôle des châu bản dans les recherches sur l'histoire moderne du Viêt-Nam”, *Etudes Interdisciplinaires sur le Viêt-Nam*, vol. 1, Sài Gòn : 1974, tr. 107-111.

16bis. “The role of the châu bản in researches on Viêt-Nam's modern history”, *Actes du XXIXe Congrès international des Orientalistes. Asie du Sud-Est continentale*. Paris: L'Asiathèque, 1976, tr. 159-163.

16ter. «Le rôle des châu bản dans les recherches sur l'histoire moderne du Viêt-Nam », *Parcours d'un historien du Viêt Nam: Recueil des articles écrits par Nguyễn Thê Anh*, Paris : Les Indes Savantes, 2008, tr.928-930.

17. “Thiên Địa Hội ở Nam-kỳ năm 1882 », *Khoa Học Nhân Văn*, Sài Gòn : 1974, tr. 7-23.

18. « Préface », *Les archipels Hoàng-sa et Truong-sa selon les anciens ouvrages vietnamiens d'histoire et de géographie*, Võ Long Tê. Sài Gòn: Ministère de la Culture, de l'Education et de la Jeunesse, 1974, tr.XV-XVI.

18bis. *Parcours d'un historien du Viêt Nam: Recueil des articles écrits par Nguyễn Thê Anh*, Paris : Les Indes Savantes, 2008, tr.977.

19. “The Imperial Tombs of Huê”, *Asian Culture*, n° 10, Tokyo: 1975, tr. 20-27.

19bis. *Parcours d'un historien du Viêt Nam: Recueil des articles écrits par Nguyễn Thê Anh*, Paris : Les Indes Savantes, 2008, tr.869-872.

20. "Some remarks on Indochinese diplomacy in the early 19th century", *Asian Affairs*, vol. 7, issue 3, London: 1976, tr. 312-316.
- 20bis. "Sứ bộ Miến Điện phái đến Đại Nam năm 1823: Vài nhận xét về thể cờ ngoại giao trong bán đảo Đông Dương đầu thế kỷ XIX", *Nghiên Cứu Huế*, tập I, Huế: 1999, tr. 20-24.
- 20ter. *Tuyển tập những bài nghiên cứu về triều Nguyễn*, Huế: Tạp Chí Nghiên Cứu và Phát Triển, 2002, tr. 83-88.
- 20quater. *Parcours d'un historien du Việt Nam: Recueil des articles écrits par Nguyễn Thê Anh*, Paris : Les Indes Savantes, 2008, tr.145-149.
- 20quinquies. « Một số vấn đề nổi bật về chính sách ngoại giao ở Đông Dương đầu thế kỷ XIX », Nguyễn Thanh Hải dịch, *Việt Nam vận hội*, Hà Nội : Hội Nhà văn, 2020, tr. 252-259.
21. "L'abdication de Thành-Thái", *Bulletin de l'Ecole française d'Extrême-Orient*, tome 64, Paris : 1977, tr. 257-264.
- 21bis. *Parcours d'un historien du Vietnam, Recueil des articles écrits par Nguyễn Thê Anh*, Paris : Indes Savantes, 2008, tr.358-364.
22. "Các vấn đề kinh tế và xã hội của Việt-Nam vào giữa thế kỷ XIX », *Quê Mẹ*, Paris : 1977, tr. 36-38.
- 22bis. *Parcours d'un historien du Vietnam, Recueil des articles écrits par Nguyễn Thê Anh*, Paris : Indes Savantes, 2008 tr.197-201.
23. "The withering days of the Nguyễn dynasty", *Research Notes and Discussions*, N.7, Singapore: Institute of Southeast Asian Studies, 1978, 33 tr.
- 23bis. *Parcours d'un historien du Vietnam, Recueil des articles écrits par Nguyễn Thê Anh*, Paris : Indes Savantes, 2008, tr. 325-343.
24. "Le nationalisme vietnamien au début du XXe siècle: son expression à travers une curieuse lettre au roi d'Angleterre", *Bulletin de l'Ecole française d'Extrême-Orient*, tome 65, n.2, Paris : 1978, tr. 421-430.
- 24bis. "Về một bức thư của người Việt Nam gửi vua nước Anh đầu thế kỷ XX", *Nghiên cứu Huế*, tập III, Huế : 2002, tr. 168-178.
25. "Secret societies: Some reflections on the Court of Huê and the Government of Cochinchina on the eve of Tự-Đức's death (1882-1883)", *Asian Affairs*, vol.9, issue 2, 1978, tr. 179-185.
- 25bis. "Sociétés secrètes, cour de Huê et gouvernement de Cochinchine à la veille de la mort de Tự-Đức", *Approches Asie*, n.4, Nice : 1978-79, tr. 29-41.
26. "Traditionalisme et réformisme à la cour de Huê dans la seconde moitié du XIXe siècle", *Histoire de l'Asie du Sud-Est: Révoltes, réformes, révolutions*, Pierre Brocheux chủ biên. Presses Universitaires de Lille, 1981, tr. 111-123.
- 26bis. "Chủ nghĩa truyền thống và chủ nghĩa cải cách tại triều đình Huế trong hậu bán thế kỷ XIX", *Nghiên Cứu Huế*, tập V, Huế : 2003, tr. 23-31.
27. "Le Việt-Nam", *Introduction à la connaissance de la péninsule indochinoise*. Paris: Centre d'Histoire et Civilisations de la Péninsule indochinoise, 1983, tr. 101-124.

- 27bis. “Introduction à la connaissance de la péninsule indochinoise: Le Viêt-Nam”, *Tuyển tập ngôn ngữ văn tự Việt Nam. Essays on Vietnamese language and writing*, Southeast Asian Culture and Education Foundation, Huntington Beach, USA: Dòng Việt, 1993, tr. 120-141.
28. “Du rêve mandarinal au chemin de la révolution. Hồ Chí Minh et l'Ecole coloniale”, *Đường Mới : La voie nouvelle*, n.1, Paris : 1983, tr. 8-25.
- 28bis. *Parcours d'un historien du Vietnam*, Recueil des articles écrits par Nguyễn Thê Anh, Paris : Indes Savantes, 2008, tr.496-502.
29. “L'agriculture sud-vietnamienne après huit années de réédification socialiste”, *Đường Mới La voie nouvelle*, n.2, Paris : 1984, tr. 121-158.
- 29bis. *Parcours d'un historien du Vietnam*, Recueil des articles écrits par Nguyễn Thê Anh, Paris : Indes Savantes, 2008, tr.248-257.
30. “Tây dương Gia tô bí lục, một tài liệu lịch sử?”, *Đường Mới : La Voie nouvelle*, n.2, Paris : 1984, tr. 188-192.
- 30bis. *Parcours d'un historien du Vietnam*, Recueil des articles écrits par Nguyễn Thê Anh, Paris : Les Indes Savantes, 2008, tr. 611-613.
31. “La prolétarisation de Hồ Chí Minh : Mythe ou réalité?”, *Đường Mới : La voie nouvelle*, n.3, Paris : 1984, tr. 203-231.
- 31bis. “How did Hồ Chí Minh become a proletarian? Reality and legend”, *Asian Affairs*, vol.16, issue 2, London: 1985, tr.163-169.
- 31ter. “How did Hồ Chí Minh become a proletarian? Reality and legend”, *Parcours d'un historien du Vietnam, Recueil des articles écrits par Nguyễn Thê Anh*, Paris : Les Indes Savantes, 2008, tr. 503-508.
32. “L'élite intellectuelle vietnamienne et le fait colonial dans les premières années du XXe siècle”, *The Vietnam Forum* n° 4, Yale Southeast Asia Studies : 1984, tr. 72-99.
- 32bis. *Revue française d'Histoire d'Outre-Mer*, tome 72, n.268, Paris : 1985, tr. 291-307.
- 32ter. *Parcours d'un historien du Vietnam, Recueil des articles écrits par Nguyễn Thê Anh*, Paris : Les Indes Savantes, 2008, tr.393-408.
33. “1975: Le mécanisme d'une débâcle”, *Đường Mới La voie nouvelle*, n.4, Paris : 1985, tr. 7-30.
- 33bis. *Parcours d'un historien du Vietnam, Recueil des articles écrits par Nguyễn Thê Anh*, Paris : Les Indes Savantes, 2008, tr.531-543.
34. “The Vietnamese Monarchy under French Colonial Rule 1884–1945”, *Modern Asian Studies*, vol. 19, issue 1, Cambridge: 1985, tr. 147-162.
- 34bis. *Parcours d'un historien du Vietnam, Recueil des articles écrits par Nguyễn Thê Anh*, Paris : Les Indes Savantes, 2008, tr.381-392.
35. “La famine de 1945 au Nord-Vietnam”, *The Vietnam Forum*, n.5, New Haven : 1985, tr. 81-100; *Approches Asie*, n.8, Paris : 1985, tr. 103-116.
36. “Réfugiés d'Indochine: Les données statistiques”, *Đường Mới : La voie nouvelle*, n.5, Paris : 1986, tr. 37-53.

- 36bis. *Parcours d'un historien du Vietnam, Recueil des articles écrits par Nguyễn Thê Anh*, Paris : Les Indes Savantes, 2008, tr.544-553.
37. “Notes contributives à la question de l’identité vietnamienne”, *Đường Mới : La voie nouvelle*, n.5, Paris : 1986, tr. 113-118.
38. “A case of Confucian survival in twentieth century Viêt-Nam: Huỳnh Thúc Kháng and his newspaper Tiếng Dân”, *The Vietnam Forum*, n.8, Yale Univ.: Southeast Asia Studies: 1986, tr. 173-203.
- 38bis. “Một trường hợp trường tồn của tinh thần Nho giáo ở Việt Nam vào thế kỷ 20. Huỳnh Thúc Kháng và tờ báo Tiếng Dân”, Nguyễn Tư Triệt dịch, *Nghiên Cứu Huế*, tập IV, Huế: 2002, tr. 22-32.
39. “La campagne nord-vietnamienne, de la dépression économique de 1930 à la famine de 1945”, *Revue française d'Histoire d'Outre-Mer*, n.274, Paris : 1987, tr. 43-54;.
- 39bis. *The Vietnam Forum*, n.9, Yale Univ.: Southeast Asia Studies : 1987, tr. 120-137.
- 39ter. *Parcours d'un historien du Vietnam, Recueil des articles écrits par Nguyễn Thê Anh*, Paris : Les Indes Savantes, 2008, tr. 225-234.
40. “Les débuts de l'intervention française au Viêt-Nam”, *Đường Mới : La voie nouvelle*, n.6 Paris : 1987, tr. 20-33.
41. “Notes de lecture : Quelques ouvrages sur le Viêt-Nam parus en 1987”, *The Vietnam Forum*, n.11, Yale Univ.: Southeast Asia Studies : 1988, tr. 261-267.
42. “Phan Bội Châu et les débuts du mouvement Đông-Du”, *Phan Bội Châu and the Đông Du movement*, Vĩnh Sinh chủ biên. New Haven: Yale South East Asia Studies : 1988, tr. 3-21.
- 42bis. “Phan Bội Châu và các bước đầu của phong trào Đông du”, Phan Xung dịch, *Nghiên Cứu Huế*, tập V, Huế : 2003, tr. 64-71.
43. “Les élites vietnamiennes face à l'Union française”, *The Vietnam Forum*, n.12, Yale Univ.: Southeast Asia Studies : 1988, tr. 82-99.
- 43bis. *Parcours d'un historien du Vietnam, Recueil des articles écrits par Nguyễn Thê Anh*, Paris : Les Indes Savantes, 2008, tr.440-452.
44. “Dissensions internes et rénovation”, *Viêt-Nam: des questions actuelles*. Paris: Đường Mới : La voie nouvelle, 1988, pp. 7-19.
- 44bis. *Parcours d'un historien du Vietnam, Recueil des articles écrits par Nguyễn Thê Anh*, Paris : Les Indes Savantes, 2008, tr.554-560.
- 44ter. *Un vingtième siècle vietnamien*, Paris: La Frémillierie, 2014, tr.219-238.
45. “Amères récoltes, germes de révolte”, *Viet Nam Confidential*, n° 4, Paris : 1989, tr. 1-4.
- 45bis. *Parcours d'un historien du Vietnam, Recueil des articles écrits par Nguyễn Thê Anh*, Paris : Les Indes Savantes, 2008, tr.561-563.
46. “Vietnam”, *South-East Asia. Languages and literatures: a select guide*, Patricia Herbert, Anthony Crothers Milner chủ biên. Honolulu: University of Hawaii Press, 1989, tr. 77-98.

- 46bis. *Parcours d'un historien du Vietnam, Recueil des articles écrits par Nguyễn Thê Anh*, Paris : Les Indes Savantes, 2008, tr.667-684.
47. “La frontière sino-vietnamienne du XIe au XVIIe siècle », *Histoire des frontières de la péninsule indochinoise*, Pierre-Bernard Lafont chủ biên. Paris: L'Harmattan, 1989, tr. 65-69.
- 47bis. *Parcours d'un historien du Vietnam, Recueil des articles écrits par Nguyễn Thê Anh*, Paris : Les Indes Savantes, 2008, tr.9-13.
48. “La frontière sino-vietnamienne du début du XIXe siècle à 1874”, *Histoire des frontières de la péninsule indochinoise*, Pierre-Bernard Lafont chủ biên. Paris: L'Harmattan, 1989, tr. 81-84.
- 48bis. *Parcours d'un historien du Vietnam, Recueil des articles écrits par Nguyễn Thê Anh*, Paris : Les Indes Savantes, 2008, tr.14-17.
49. “Le Nam tiến dans les textes vietnamiens”, *Histoire des frontières de la péninsule indochinoise*, Pierre-Bernard Lafont chủ biên. Paris: L'Harmattan, 1989, tr. 121-127.
- 49bis. *Parcours d'un historien du Vietnam, Recueil des articles écrits par Nguyễn Thê Anh*, Paris : Les Indes Savantes, 2008, tr.18-22.
50. “Établissement par le Viêt-Nam de sa frontière dans les confins occidentaux”, Les frontières du Vietnam. *Histoire des frontières de la péninsule indochinoise*, Pierre-Bernard Lafont chủ biên. Paris: L'Harmattan, 1989, tr. 185-193.
- 50bis. *Parcours d'un historien du Vietnam, Recueil des articles écrits par Nguyễn Thê Anh*, Paris : Les Indes Savantes, 2008, tr.23-30.
51. « Lòi giới thiệu », *Thần, người và đất Việt*, Tạ Chí Đại Trường. Westminster CA: Văn Nghệ, 1989, tr. xi-xv.
- 51bis. Hà Nội: Văn Học, 2000, tr. 19-22.
- 51ter. Hà Nội : Tri Thức, 2014, tr.
52. “L'engagement politique du bouddhisme au Sud-Vietnam dans les années 60”, *Bouddhismes et sociétés asiatiques : Clergés, sociétés et pouvoirs*, Alain Forest, Eiichi Kato & Léon Vandermeerch chủ biên. Paris: L'Harmattan, 1990, tr. 111-124.
- 52bis. *Approches Asie*, n.10, 1989-1990, tr. 62-72.
- 52ter. *Bằng Nhật ngữ : « 1960年代の南ベトナムにおける仏教徒の政治参加 »*, Tokyo : 東京 : 上智大学アジア文化研究所, 1988, 11 tr.
53. “L'itinéraire politique de Hồ Chí Minh”, *Hồ Chí Minh : L'homme et son héritage*. Paris: Đường Mới, 1990, tr. 12-38.
- 53bis. “Hành trình chính trị của Hồ Chí Minh”, *Hồ Chí Minh : Sự thật về thân thế và sự nghiệp*. Paris: Nam Á, 1990, tr. 21-52.
- 53ter. *Parcours d'un historien du Vietnam, Recueil des articles écrits par Nguyễn Thê Anh*, Paris : Les Indes Savantes, 2008, tr.509-521.
54. “Ho Chi Minh's political itinerary: The indefectible commitment to internationalism”, *Vietnam Commentary*, Singapore: tháng 5-6, 1990, tr. 2-4.

55. “Les relations du Viêt-Nam avec le monde malais jusqu'au milieu du XIXe siècle”, *Le monde indochinois et la péninsule malaise*. Kuala Lumpur: CHCPI, 1990, tr. 29-45.
- 55bis. *Đại Học* n.1, California : tháng 7, 1991, tr. 155-167.
56. “L’engagement des masses rurales dans les mouvements politiques nationaux d’après l’historiographie de Hà-nội (RDV-RSV) ”, Hội nghị chuyên đề Pháp – Liên Xô về Đông Nam. Moscou: Institut d’Orientalisme de l’Académie des Sciences de l’URSS, 1990, tr. 255-266 (dịch Nga văn : tr. 241-254).
- 56bis. “Nông dân và các phong trào quốc gia dưới nhãn quan của giới sử học Hà-nội”, *Văn Lang*, n.1, Westminster, CA : 1991, tr. 37-49.
- 56ter. *Parcours d'un historien du Vietnam, Recueil des articles écrits par Nguyễn Thê Anh*, Paris : Les Indes Savantes, 2008, tr.522-530.
57. “儒教的政治体制と西洋の挑戦: 1874年からのベトナムの場合”, Kozuya Noboru dịch Nhật ngữ, *Shisō* 思想, n.792, Tokyo : Iwanami Shoten : 1990, tr. 272-283.
- 57bis. “Monarchie confucéenne et défi occidental: le cas du Viêt-Nam à partir de 1874”, *Confucianisme et sociétés asiatiques*, Yuzô Mizoguchi & Léon Vandermeersch chủ biên. Paris: L'Harmattan : 1991, tr. 147-161.
58. “Thiên-Y-A-Na ou la récupération de la déesse cam Pō Nagar par la monarchie confucéenne vietnamienne”, *Cultes populaires et sociétés asiatiques : Appareils cultuels et appareils de pouvoir*, Alain Forest, Yoshiaki Ishizawa & Léon Vandermeersch chủ biên. Paris: L'Harmattan : 1991, tr. 73-86.
- 58bis. *Parcours d'un historien du Vietnam, Recueil des articles écrits par Nguyễn Thê Anh*, Paris : Les Indes Savantes, 2008, tr.584-592.
59. *Le Viêt-Nam entre confucianisme et modernité*, Paris: Đường Mới : La Voie Nouvelle, 1991, 20 tr.
- 59bis. “Le Viêt-Nam entre confucianisme et modernité”, bằng Nga văn và Pháp văn trong *Le poids du passé dans l’interprétation du présent en Asie du Sud-Est*, Moscou: Institut d’Orientalisme, Académie des Sciences de l’URSS, 1993, tr. 194-221. Bản tiết yếu trong *Histoire et Défense*, Les Cahiers de Montpellier, n.30 , 1995, tr. 65-73.
- 59ter. *Parcours d'un historien du Vietnam, Recueil des articles écrits par Nguyễn Thê Anh*, Paris : Les Indes Savantes, 2008, tr.854-866.
60. “La réforme de l’impôt foncier de 1875 au Viêt-Nam”, *Bulletin de l'Ecole française d'Extrême-Orient*, tome 78, Paris : 1991, tr. 287-296.
- 60bis. “Cải cách thuế lệ điền thổ năm 1875”, *Văn Lang*, n.2, 1991, tr. 33-46 ;
- 60ter. *Nghiên Cứu Huế*, tập III, Huế : 2002, tr. 58-64.
- 60quater. *Parcours d'un historien du Vietnam, Recueil des articles écrits par Nguyễn Thê Anh*, Paris : Les Indes Savantes, 2008, tr.202-211.
61. “Chính phủ Nam-triều và các nhà cách mạng Viêt-Nam qua các châu bản những năm 1910-1913”], *Văn Lang*, n.3, 1992, tr. 79-112.

61bis. “Các châu bản liên hệ đến phong trào lãnh đạo bởi Phan Bội Châu trong giai đoạn 1910-1913”, *Nghiên Cứu Huế*, tập I, Huế : 1999, tr. 276-298.

62. “Phan Bội Châu's memoirs and the autobiographical genre in modern Vietnamese literature”, *Journal of Vietnamese Studies* n.5, Melbourne: 1992, tr. 35-43.

62bis. “Le genre autobiographique dans la littérature vietnamienne, à travers les mémoires de Phan Bội Châu », *En suivant la Voie Royale. Mélanges en hommage à Léon Vandermeersch*, Jacques Gernet et Marc Kalinowski chủ trì. Paris : EFEO, Études thématiques n.7, 1997, tr. 333-342

62ter. « Loại văn tự truyện trong văn học Việt Nam qua những hồi ký của Phan Bội Châu », Trần Văn Hoàng dịch từ nguyên bản Pháp văn, *Nghiên Cứu Huế*, tập II. Huế : 2001, tr.279-285.

62quater. *Parcours d'un historien du Vietnam, Recueil des articles écrits par Nguyễn Thê Anh*, Paris : Les Indes Savantes, 2008, tr.887-896.

63. “Buddhism and Vietnamese society throughout history”, *South East Asia Research*, vol.1, n.1, London: University of London, 1993, tr. 98-114.

63bis. “Phật giáo và xã hội Việt Nam qua lịch sử”, Lê Thọ Giáo dịch, *Phật Giáo Việt Nam*, n.85, Los Angeles: 1993, tr. 25-35; *Nghiên Cứu Huế*, tập III, Huế: 2002, tr. 20-27.

63ter. *Parcours d'un historien du Vietnam, Recueil des articles écrits par Nguyễn Thê Anh*, Paris : Les Indes Savantes, 2008, tr.602-610.

64. “L'image de la piraterie tonkinoise dans la littérature coloniale d'Indochine”, *Rêver l'Asie : Exotisme et littérature coloniale aux Indes, en Indochine et en Insulinde*, Paris: Editions de l'École des Hautes Études en Sciences Sociales, 1993, tr. 179-193.

64bis. *Parcours d'un historien du Vietnam, Recueil des articles écrits par Nguyễn Thê Anh*, Paris : Les Indes Savantes, 2008, tr. 897-908.

65. “États et nations de la Péninsule indochinoise”, *Grand Larousse Annuel. Le Livre de l'Année 1994. 1er janvier 1993/31 décembre 1993*, Paris: Larousse, 1994, tr. 304-307.

66. “Les recherches sur le Laos: Confrontation des méthodologies”, *Les recherches en sciences humaines sur le Laos*. Paris: Centre d'histoire et civilisations de la Péninsule indochinoise, 1994, tr. 201-213.

66bis. *Parcours d'un historien du Vietnam, Recueil des articles écrits par Nguyễn Thê Anh*, Paris : Les Indes Savantes, 2008, tr.944-951.

67. “Indochina and the Malay World. A Glimpse on Malay-Vietnamese Relations to the Mid-Nineteenth Century”, *Tuyển tập ngôn ngữ và văn học Việt Nam - Essays on Vietnamese Language and Literature*, n.2, fasc. I. Campbell: Dòng Việt, 1994, tr. 125-154.

67bis. “Indochina and the Malay World. A Glimpse on Malay-Vietnamese Relations to the Mid-Nineteenth Century”, *Asia Journal*, vol. 3, n.1, Seoul: 1996, tr. 105-131.

67ter. *Parcours d'un historien du Vietnam, Recueil des articles écrits par Nguyễn Thê Anh*, Paris : Les Indes Savantes, 2008, tr.109-128.

67quater. “Đông Dương và thế giới Mã Lai: Một góc nhìn về quan hệ Việt Nam – Mã Lai đến giữa thế kỷ XIX”, Nguyễn Thanh Hải dịch, *Việt Nam vận hội*, Hà Nội: Hội Nhà văn, tr.193-232.

68. “State and civil society under the Trinh lords in seventeenth-century Việt-Nam”, *La société civile face à l’État dans les traditions chinoise, japonaise, coréenne et vietnamienne*, Léon Vandermeersch chủ biên. Paris: EFEO : Études thématiques n.3, 1994, tr. 367-380.

68bis. *Parcours d'un historien du Vietnam, Recueil des articles écrits par Nguyễn Thê Anh*, Paris : Les Indes Savantes, 2008, tr.301-313.

68ter. « Nhà nước và xã hội dân sự dưới thời chúa Trịnh tại Việt Nam thế kỷ XVII », Nguyễn Thanh Hải dịch, *Việt Nam vận hội*, Hà Nội : Hội Nhà văn, tr.33-55.

69. “La conception du bon gouvernement au Việt-Nam au XIXe siècle, à travers une composition au concours du Palais de 1865”, *Notes sur la culture et la religion en Péninsule indochinoise*, Nguyễn Thê Anh & Alain Forest chủ biên. Paris: L’Harmattan, 1995, tr. 157-187.

69bis. “Khái niệm về lương chính ở Việt Nam vào thế kỷ XIX qua một bài thi khoa thi Đình năm 1865”, nhiều người dịch, *Nghiên Cứu Huế*, tập IV, Huế : 2002, tr. 231-251.

69ter. *Parcours d'un historien du Vietnam, Recueil des articles écrits par Nguyễn Thê Anh*, Paris : Les Indes Savantes, 2008, tr.791-813.

70. “France et Vietnam, les réalités d’un dialogue culturel de trois siècles”, *Affaires, Entreprises et Franco-phonie*. Montréal: Association des universités partiellement ou entièrement de langue française , 1995, tr. 121-128.

70bis. *Parcours d'un historien du Vietnam, Recueil des articles écrits par Nguyễn Thê Anh*, Paris : Les Indes Savantes, 2008, tr.150-156.

70ter. « Pháp-Việt : Những hiện thực của một cuộc đối thoại văn hóa ba thế kỷ », Việt Anh dịch, *Việt Nam vận hội*, Hà Nội : Hội Nhà văn, tr.260-274.

71. “Historical Research in Vietnam: A Tentative Survey”, *Journal of Southeast Asian Studies*, vol. 26, issue 1. The National University of Singapore : 1995, tr. 121-132.

71bis. *Parcours d'un historien du Vietnam, Recueil des articles écrits par Nguyễn Thê Anh*, Paris : Les Indes Savantes, 2008, tr.978-989.

71ter. « Nghiên cứu lịch sử ở Việt Nam : Một tổng quan thử nghiệm », Trần Phương Hoa dịch, *Việt Nam vận hội*, Hà Nội : Hội Nhà văn, tr.13-32.

72. “The Vietnamisation of the Cham Deity Pô Nagar”, *Essays into Vietnamese Pasts*, K.W. Taylor & John K. Whitmore chủ biên. Ithaca: Cornell Univ. Southeast Asia Program, 1995, tr. 42-50.

72bis. *Asia Journal*, vol. 2, n.1, Seoul: 1995, tr. 55-67;

72ter. *The Vietnam Review*, n.3, University of Michigan: 1997, tr. 193-207.

72quater. *Parcours d'un historien du Vietnam, Recueil des articles écrits par Nguyễn Thê Anh*, Paris : Les Indes Savantes, 2008, tr. 593-601.

73. “Hubungan Vietnam dengan Dunia Melayu Sehingga Pertengahan Abad ke-19”, *Tamadun Melayu (Jilid Tiga)*. Ismail Hussein, A. Aziz Deraman, Abd. Rahman Al-Ahmadi chủ biên.

- Kuala Lumpur: Dewan Bahasa dan Pustaka, Kementerian Pendidikan Malaysia, 1995, tr. 1147-1163.
74. 74bis. “Hubungan Vietnam dengan Dunia Melayu hingga Pertengahan Abad ke-19”, *Dunia Melayu dan Dunia Indocina*. Kuala Lumpur: Dewan Bahasa dan Pustaka, 1995, tr. 64-85.
75. “Vietnamese nationalism reconsidered”, *Vietnamologica* n.1, Montreal: 1995, tr. 107-117.
- 75bis. *Parcours d'un historien du Vietnam, Recueil des articles écrits par Nguyễn Thê Anh*, Paris : Les Indes Savantes, 2008, tr.373-380.
76. “La famille traditionnelle vietnamienne dans son évolution historique”, *Approches-Asie*, n.13, Université de Nice: 1996, tr. 57-66.
- 76bis. *Parcours d'un historien du Vietnam, Recueil des articles écrits par Nguyễn Thê Anh*, Paris : Les Indes Savantes, 2008, tr.767-774.
77. “Les sources pour l’histoire économique du Vietnam au XIXe siècle”, *Việt Nam Sources et Approche*. Aix-en-Provence: Publications de l’Université de Provence, 1996, tr. 49-59.
- 77bis. «Tài liệu gốc đối với lịch sử kinh tế Việt Nam vào thế kỷ XIX », Phan Xung dịch, *Nghiên cứu Huế*, tập VIII, Huế : 2012, tr.488-495.
78. “Rapport d’atelier: Typologie de sources et techniques”, *Việt Nam Sources et Approche*. Aix-en-Provence: Publications de l’Université de Provence, 1996, tr. 189-190.
79. “Le Viêt-Nam”, *Initiation à la Péninsule indochinoise*, P.-B. Lafont chủ biên. Paris: L’Harmattan, 1996, tr. 113-139.
- 79bis. *Parcours d'un historien du Vietnam, Recueil des articles écrits par Nguyễn Thê Anh*, Paris : Les Indes Savantes, 2008, tr.647-666.
80. “Education in Asia considered from Europe: Features and prospects”,. *Europe-Asia: Science and Technology for their Future*. Acta Forum Engelberg 1996. Zurich: vdf Hochschulverlag AG an der ETH Zürich, 1996, tr. 263-266.
- 80bis. “Education in Asia: Features and Prospects”, *The Vietnam Review*, vol.1, University of Michigan: 1996, tr. 514-532.
- 80ter. *Parcours d'un historien du Vietnam, Recueil des articles écrits par Nguyễn Thê Anh*, Paris : Les Indes Savantes, 2008, tr.777-790.
81. “Vietnam”, *Semenanjung Indochina: Suatu Pengenalan*. Kuala Lumpur: Dewan Bahasa dan Pustaka, 1996, tr. 111-138.
- 81bis. *Parcours d'un historien du Vietnam, Recueil des articles écrits par Nguyễn Thê Anh*, Paris : Les Indes Savantes, 2008, tr.667-684.
82. “L’immigration chinoise et la colonisation du delta du Mékong”, *The Vietnam Review*, vol.1, University of Michigan: 1996, tr. 154-177.
- 82bis. *Vietnamologica*, n.2, Trung Tâm Việt Nam Học Canada 1996, tr. 3-31.
- 82ter. “Hoa kiều và sự định dân tại vùng đồng bằng sông Cửu Long”, Bửu Ý dịch, *Nghiên Cứu Huế*, tập IV, Huế: 2002, tr. 104-116.

83. “La conception de la monarchie divine dans le Viêt-Nam traditionnel”, *Bulletin de l’Ecole française d’Extrême-Orient*, tome 84, Paris : 1997, tr. 147-157
- 83bis. *The Vietnam Review*, vol.2, University of Michigan : 1997, tr. 115-134.
- 83ter. *Parcours d’un historien du Vietnam, Recueil des articles écrits par Nguyễn Thê Anh*, Paris : Les Indes Savantes, 2008, tr.271-282.
84. “Les conflits frontaliers entre le Vietnam et le Siam à propos du Laos au XIXe siècle”, *The Vietnam Review*, vol.2, University of Michigan : 1997, tr.154-172.
- 84bis. *Parcours d’un historien du Vietnam, Recueil des articles écrits par Nguyễn Thê Anh*, Paris : Les Indes Savantes, 2008, tr.31-43.
85. “Quelques remarques sur l’état des études historiques sur le Viêt-Nam”, *Approches-Asie*, n.15, Université de Nice: 1997, tr. 3-15.
- 85bis. *The Vietnam Review*, vol. 3, University of Michigan : 1997, tr.465-477.
- 85ter. *Parcours d’un historien du Vietnam, Recueil des articles écrits par Nguyễn Thê Anh*, Paris : Les Indes Savantes, 2008, tr. 990-1001.
86. “Les principaux courants de pensée religieuse au Viêt-Nam au XXe siècle”, *Dòng Việt*, n.5, Southeast Asian Culture and Education Foundation, Huntington Beach, USA : 1998, tr. 220-236.
- 86bis. *Parcours d’un historien du Vietnam, Recueil des articles écrits par Nguyễn Thê Anh*, Paris : Les Indes Savantes, 2008, tr.623-633.
87. “ Confucius et le confucianisme ”, *Grandes figures aux origines des religions*. Les Cahiers de l’Institut de Science et de Théologie des Religions, n.2, Paris : 1998, tr.81-102.
- 87bis. *Parcours d’un historien du Vietnam, Recueil des articles écrits par Nguyễn Thê Anh*, Paris : Les Indes Savantes, 2008, tr. 873-884.
88. “The great famine of 1945”, *The Vietnam Review*, vol.4, University of Michigan : 1998, tr. 462-472.
89. “Avant-propos”, *Guerre et paix en Asie du Sud-Est*, Nguyễn Thê Anh & Alain Forest chủ biên. Paris: L’Harmattan, 1998, tr. 5-8.
- 89bis. *Parcours d’un historien du Vietnam, Recueil des articles écrits par Nguyễn Thê Anh*, Paris : Les Indes Savantes, 2008, tr.1002-1005.
90. “Dans quelle mesure le XVIIIe siècle a-t-il été une période de crise dans l’histoire de la Péninsule indochinoise?”, *Guerre et paix en Asie du Sud-Est*, Nguyễn Thê Anh & Alain Forest chủ biên. Paris: L’Harmattan, 1998, tr.159-173.
- 90bis. *Parcours d’un historien du Vietnam, Recueil des articles écrits par Nguyễn Thê Anh*, Paris : Les Indes Savantes, 2008, tr.159-170.
91. “La féodalité en Asie du Sud-Est », *Les féodalités*, Eric Bournazel & Jean-Pierre Poly chủ biên. Paris: Presses Universitaires de France, 1998, tr. 683-714.
- 91bis. *Parcours d’un historien du Vietnam, Recueil des articles écrits par Nguyễn Thê Anh*, Paris : Les Indes Savantes, 2008, tr.707-731.

92. “Japanese Food Policies and the 1945 Great Famine in Indochina”, *Food Supplies and the Japanese Occupation in South-East Asia*, Paul H. Kratoska chủ biên. London: Macmillan - New York: St. Martin’s Press, 1998, tr. 208-226.
- 92bis. *Dòng Việt*, n.7, Southeast Asian Culture and Education Foundation, Huntington Beach, USA: 1999, tr. 289-310
- 92ter. “Chính sách lương thực của Nhật Bản và nạn đói lớn năm 1945 tại Việt Nam”, Lê Khắc Cẩm dịch, *Nghiên Cứu Huế*, tập II, Huế: 2001, tr. 19-29.
- 92quater. “Chính sách thực phẩm của người Nhật và nạn đói vĩ đại năm 1945 tại Đông Dương”, *Việt Học*, n.2, Westminster, CA : 2005, tr. 23-35.
93. “The Vietnamese Confucian Literati and the Problem of Nation-Building in the Early Twentieth Century”, *Religion, Ethnicity and Modernity in Southeast Asia*, Oh Myung-Seok & Kim Hyung-Jun chủ biên. Seoul National University Press, GIAS Monograph Series 17, 1998, tr. 231-250.
- 93bis. *Parcours d'un historien du Vietnam, Recueil des articles écrits par Nguyễn Thê Anh*, Paris : Les Indes Savantes, 2008, tr.835-846.
- 93ter. « Nho sĩ Việt Nam và vấn đề kiến quốc đầu thế kỷ XX », Huỳnh Thị Anh Vân dịch, *Việt Nam vận hội*, Hà Nội: Hội Nhà văn, tr.91-112.
94. “Filosofie e religioni del Vietnam”, *Storia del XX Secolo*, vol. : Religioni e teologie. Rome: Istituto della Enciclopedia Italiana.
95. “Trade relations between Vietnam and the countries of the Southern Seas in the first half of the 19th century”, *Commerce et navigation en Asie du Sud-Est, XIVe-XIXe siècles – Trade and navigation in Southeast Asia, 14th-19th centuries*, Nguyễn Thê Anh & Yoshiaki Ishizawa chủ biên. Paris: L’Harmattan, 1999, tr. 171-187.
- 95bis. *Parcours d'un historien du Vietnam, Recueil des articles écrits par Nguyễn Thê Anh*, Paris : Les Indes Savantes, 2008, tr.184-196.
- 95ter. « Những quan hệ thương mại giữa Việt Nam và các nước trong vùng biển phía Nam vào nửa đầu thế kỷ XIX », Nguyễn Tư Triệt dịch, *Nghiên Cứu Huế*, tập VIII, Huế : 2012, tr.47-56.
96. “Vietnamese resistance to Chinese expansion”, International Convention of Asia Scholars, Noordwijkerhout, 25-28 Juin 1998, *Dòng Việt*, n.6, Huntington Beach (CA), Southeast Asian Culture and Education Foundation: 1999, tr. 117-131.
- 96bis. *Parcours d'un historien du Vietnam, Recueil des articles écrits par Nguyễn Thê Anh*, Paris : Les Indes Savantes, 2008, tr.58-66.
- 96ter. « Sức đề kháng của Việt Nam trước sự bành trướng của Trung Quốc », Trần Hoài dịch, *Việt Nam vận hội*, Hà Nội : Hội Nhà văn, 2020, tr.121-138.
97. Về một danh xưng: Cơ Mật Viện hay Hội Đồng Thượng Thư dưới triều vua Thành Thái”, *Nghiên Cứu Huế*, tập I, Huế: 1999, tr. 309-310.“
- 97bis. *Parcours d'un historien du Vietnam, Recueil des articles écrits par Nguyễn Thê Anh*, Paris : Les Indes Savantes, 2008, tr.1006-1007.

98. “Le Viêt-Nam à l’aube du 3e millénaire”, Campbell: *Dòng Việt*, n.9, Huntington Beach (CA), Southeast Asian Culture and Education Foundation, tr. 31-48.
99. “Le Viêt-Nam: une société unique?”, *La désinformation : Pour une approche historique*. Marcel Bénichou chủ trì và giới thiệu. Montpellier : Université Paul-Valéry, 2001, tr. 243-253.
- 99bis. *Parcours d'un historien du Vietnam, Recueil des articles écrits par Nguyễn Thê Anh*, Paris : Les Indes Savantes, 2008, tr.564-572.
100. “Hainan et les marchands hainanais dans les sources vietnamiennes”, *Hainan De la Chine à l’Asie du Sud-Est / Von China nach Südostasien*, Claudine Salmon & Roderich Ptak chủ biên. Wiesbaden: Harrassowitz Verlag, 2001, tr. 179-193.
- 100bis. *Parcours d'un historien du Vietnam, Recueil des articles écrits par Nguyễn Thê Anh*, Paris : Les Indes Savantes, 2008, tr.98-108.
101. « Préface », *Les relations politiques et commerciales entre la France et la péninsule indochinoise (XVIIe siècle)*, Frédéric Mantienne. Paris : Les Indes Savantes, 2001, tr. 7-8.
- 101bis. *Parcours d'un historien du Vietnam, Recueil des articles écrits par Nguyễn Thê Anh*, Paris : Les Indes Savantes, 2008, tr.1010-1011.
102. “Attraction and repulsion as the two contrasting aspects of the relations between China and Vietnam”, *China and Southeast Asia: Historical Interactions*. Hội thảo chuyên đề quốc tế: University of Hong Kong, 19-21 July 2001; *東南アジア研究(Southeast Asian Studies)*, vol.40, n.4, Kyoto Univ.: 2003, tr. 444-458.
- 102bis. *East Asian Science, Technology, and Medicine* n.21, Tübingen : 2003, tr. 94-113.
- 102ter. *Parcours d'un historien du Vietnam, Recueil des articles écrits par Nguyễn Thê Anh*, Paris : Les Indes Savantes, 2008, tr.67-81.
- 102quater. “Sức hút và lực đẩy : hai khía cạnh trái ngược trong quan hệ Việt-Trung”, Trần Phương Hoa dịch, *Việt Nam vận hội*, Hà Nội: Hội Nhà văn, 2020, tr.139-165.
103. “From Indra to Maitreya: Buddhist Influence in Vietnamese Political Thought”, *Journal of Southeast Asian Studies*, vol. 33, issue 2, Cambridge University Press - National University of Singapore : 2002, tr. 225-241.
- 103bis. “Le bouddhisme dans la pensée politique du Viêt-Nam traditionnel”, *Bulletin de l’Ecole française d’Extrême-Orient*, tome 89, Paris : 2002, tr. 127-143.
- 103ter. *Parcours d'un historien du Vietnam, Recueil des articles écrits par Nguyễn Thê Anh*, Paris : Les Indes Savantes, 2008, tr.283-300.
104. “The Formulation of the National Discourse in 1940-45 Vietnam”, *Journal of International and Area Studies*, vol. 9, n.1, Seoul : 2002, tr. 57-75.
- 104bis. “The Formulation of the National Discourse in Vietnam, 1940-1945”, *Leidschrift*, vol. 19, n.2, Leiden : 2004, tr. 13-38.
- 104ter. “The Formulation of the National Discourse in 1940-45 Vietnam”, *Parcours d'un historien du Vietnam, Recueil des articles écrits par Nguyễn Thê Anh*, Paris : Les Indes Savantes, 2008, tr.476-495.

105. “Le Sangha bouddhiste et la société vietnamienne d’aujourd’hui”, *Parcours d’un historien du Viêt Nam Recueil des articles écrits par Nguyễn Thế Anh*, Paris : Les Indes savantes, 2008, tr.634-644.
- 105bis. “Le Sangha bouddhiste et la société vietnamienne d’aujourd’hui”, https://bouddhismes.net/index.php?option=com_content&view=article&id=109:le-sangha-bouddhiste-et-la-societe-vietnamienne-d-aujourd-hui&catid=15&Itemid=131 (truy cập 11g40 ngày 10 tháng 5 năm 2022).
106. “Traditional Vietnam’s Incorporation of External Cultural and Technical Contributions: Ambivalence and Ambiguity”, *東南アジア研究 (Southeast Asian Studies)*, vol. 40, n.4, Kyoto Univ. : 2003, tr. 444-458.
- 106bis. “Ambivalence and Ambiguity: Traditional Vietnam’s Incorporation of External Cultural and Technical Contributions”, *East Asian Science, Technology, and Medicine* n.21, Tübingen : 2003, tr. 94-113.
- 106ter. “Lưỡng diện và hỗn tập trong việc du nhập các đóng góp văn hóa và kỹ thuật từ bên ngoài vào truyền thống của Việt Nam”, Huỳnh Thị Anh Vân dịch, *Nghiên cứu Huế*, tập 9, Huế: 2021, tr. 16-27.
107. “Village versus State: The Evolution of State-Local Relations in Vietnam until 1945”, *東南アジア研究 (Southeast Asian Studies)*, vol. 41, n.1, Kyoto Univ.: 2003, tr. 101-123.
- 107bis. “Làng xã đôi diện chính phủ: diễn tiến của quan hệ trung ương - địa phương tại Việt Nam cho đến năm 1945”, Lê Khắc Cầm dịch, *Nghiên Cứu Huế*, tập VI, Huế: 2008, tr. 31-48.
108. “Confucianism in Vietnamese Literature”, *The Encyclopedia of Confucianism*, Xinzhong Yao chủ biên. Londres: Routledge, 2003, tr. 131-132.
109. “Le mouvement de protestation de 1908 contre les corvées et les impôts au Centre Vietnam”, *Europe-Asie. Echanges, éthiques et marchés (XVIIe XXIe siècles)* [Biên bản hội thảo ở La Rochelle, 13 décembre 1999, Martine Raibaud & François Souty chủ biên.
- 109bis. “Phong trào chống sưu thuế miền Trung năm 1908”, *Nghiên Cứu Huế*, tập V, Huế: 2003, tr. 72-77.
- 109ter. *Europe-Asie. Echanges, éthiques et marchés (XVIIe XXIe siècles)*, Paris: Les Indes Savantes, 2004, tr. 159-166.
110. “Le parti communiste vietnamien et la libéralisation économique au Vietnam à la fin des années 1990”, *Europe-Asie. Echanges, éthiques et marchés (XVIIe XXIe siècles)* [Biên bản hội thảo ở La Rochelle, 11-12/12/2000, Martine Raibaud & François Souty chủ biên.
- 110bis. *Europe-Asie. Echanges, éthiques et marchés (XVIIe XXIe siècles)*, Paris: Les Indes Savantes, 2004, tr. 239-251.
111. “Bons et mauvais sujets”, *Le Paris Asie*, Pascal Blanchard & Éric Deroo chủ biên. Paris: La Découverte, 2004, tr. 109.
112. “Bảo Đại (Vĩnh Thụy, 1913-1997)”, “Cần Vương (Aid the King) Movement”, “Cứu Quốc (National Salvation)”, “Đà Nẵng (Tourane)”, “Dupleix, Joseph-François (1696-1763)”, “Ecole Française d’Extrême-Orient”, “French Indochinese Union (Union Indochinoise Française)”,

- “Indochina Communist Party”, “Indochina during World War II (1939-1945)”, “Mất nước (Losing One’s Country)”, “Mission civilisatrice (Civilizing Mission)”, “Nguyễn Ánh (Emperor Gia-Long)”, “Nguyễn Dynasty (1802-1945)”, “Nguyễn Emperors and French Imperialism”, “Phan Bội Châu (1867-1940)”, “Phan Chu Trinh (1872-1926)”, “Saigon (Gia Định, Hồ Chí Minh City)”, “Tây Sơn Rebellion (1771-1802)”, “Tonkin (Tongking)”, “Vietnam Under French Colonial Rule”, *A Historical Encyclopedia of Southeast Asia. From Angkor Wat to East Timor*, Ooi Keat Gin chủ biên. Santa Barbara, CA: ABC-Clio, 2004, tr. 220-221, 312-313, 394-395, 397-398, 433-434, 452-453, 521-522, 648-650, 650-654, 861-862, 899-900, 968-971, 971-973, 973-977, 1066-1068, 1068-1070, 1165-1167, 1309-1311, 1337-1339, 1402-1406.
113. “L’impact des événements de 1930-31 sur l’attitude de l’administration française à l’égard de la monarchie vietnamienne”, 4e Conférence EUROSEAS, Paris : 1-4/2004.
114. “La place du Laos dans la littérature coloniale”, *Littérature et Histoire coloniale* [Biên bản hội thảo ở Nantes, 06/12/2003, Jacques Weber chủ trì. Paris: Les Indes Savantes, 2005, tr. 201-213.
- 114bis. *Parcours d’un historien du Viêt Nam Recueil des articles écrits par Nguyễn Thế Anh*, Paris : Les Indes savantes , 2008, tr. 909-918.
115. « Préface », *Indochine années vingt: Le rendez-vous manqué (1918-1928) : La politique indigène des grands commis au service de la mise en valeur*, Patrice Morlat. Paris : Les Indes Savantes, 2006, tr. 13-15
- 115bis. *Parcours d’un historien du Viêt Nam Recueil des articles écrits par Nguyễn Thế Anh*, Paris : Les Indes savantes, 2008, tr.1012-1014.
116. “Thai-Vietnamese relations in the first half of the 19th century as seen through Vietnamese official documents”, Hội thảo chuyên đề *Breaking the Bond. Unravelling the Myths of Southeast Asian Historiography*, Hamburg, 24-25 November 2006.
- 116bis. “Siam-Vietnamese relations in the first half of the 19th century as seen through Vietnamese official documents”, *Parcours d’un historien du Viêt Nam: Recueil des articles écrits par Nguyễn Thế Anh*, Paris : Les Indes savantes, 2008, tr. 44-57.
- 116ter. *Southeast Asian Historiography: Unravelling the Myths: Essays in honour of Barend Jan Terwiel*, Volker Grabowsky chủ biên, Bangkok: River Books, 2011, tr.294-305.
- 116quater. “Quan hệ Thái Lan – Việt Nam nửa đầu thế kỷ XIX qua chính sử Việt Nam”, Trần Hoài dịch, *Việt Nam vận hội*, Hà Nội: Hội Nhà văn, 2020, tr.166-192
117. “Péninsule indochinoise: Regard sur le synchronisme de l’évolution historique aux XIXe et XXe siècles”, *Carnets du Viêt Nam*, n.14, Lyon : 2007, tr. 32-36.
- 117bis. *Parcours d’un historien du Viêt Nam : Recueil des articles écrits par Nguyễn Thế Anh*, Paris : Les Indes savantes, 2008, tr. 701-706.
118. “Efforts to update Confucian principles of government under the reign of Tự Đức”, *Vietnam Social Sciences*, n.6(122), Hà Nội: 2007, tr. 91-104.
- 118bis. *Parcours d’un historien du Viêt Nam Recueil des articles écrits par Nguyễn Thế Anh*, Paris : Les Indes savantes, 2008, tr.814-824.

119ter. “Những cố gắng cập nhật các nguyên tắc chính trị Khổng giáo thời vua Tự Đức”, *Nghiên Cứu Huế*, tập VI, Huế: 2008, tr. 368-378.

119. “Congrégations chinoises”, “Lettrés réformistes”, “Sectes politico-religieuses”, *Les mots de la Colonisation*, Sophie Dulucq, Jean-François Klein, Benjamin Stora chủ biên, Toulouse : Presses Universitaires du Mirail, 2008, tr. 35, 62-63, 104-105.

120. “In memoriam Pierre-Bernard Lafont (1926-2008)”, *Journal Asiatique*, tome 296, Paris : 2008, n.1, tr. 1-8.

121. “1908 et la remise en question du rôle de l’élite dirigeante des lettrés”, *Vietnam, le moment moderniste*, Gilles de Gantès & Nguyễn Phương Ngọc chủ biên, Aix-en-Provence : Pub. Université de Provence, 2009, tr. 197-204.

121bis. *Parcours d’un historien du Viêt Nam Recueil des articles écrits par Nguyễn Thê Anh*, Paris : Les Indes savantes, 2008, tr.409-417.

122. “*Bao Dai's abdication and the failure of an imperial project*”, *End of Empire. 100 Days in 1945 That Changed Asia and the World*, David P. Chandler , Robert Cribb and Li Narangoa chủ biên. Copenhagen, NIAS Press, 2016, tr. 162-163.

Comptes-rendus de lecture :

1. *South-East Asia: A Social, Economic and Political Geography*, Charles Alfred Fisher, London: 1964; tái bản: 1966, 831 tr. Trong *Bulletin de la Société des Etudes Indochinoises*, n.1, Sài Gòn : 1966, tr. 87-88.

2. « Nhu Viễn » trong *Khâm định Đại Nam Hội điển sự lệ* (Chap. “s’assurer la paix au loin” dans le *Répertoire administratif du Đại Nam*). Trong *Bulletin de la Société des Etudes Indochinoises*, n.1, Sài Gòn : 1966, tr. 89-90.

3. *Phủ Biên Tạp Lục* (Mélanges sur le gouvernement des marches) et *Vân Đài loại ngữ* (Propos par genres du Cabinet au Yun), Lê Quý Đôn. Trong *Bulletin de la Société des Etudes Indochinoises*, n. 1, Sài Gòn : 1973, tr. 143-144.

4. *Thượng Kinh Ký Sự* (*Relation d’un voyage à la Capitale*), Lãn Ông. Nguyễn Trần Huân dịch Pháp văn và hiệu chú, Paris : EFEO, 1972. Trong *Bulletin de la Société des Etudes Indochinoises*, n. 1, Sài Gòn : 1973, tr. 144-145.

5. *Đại Nam Thực Lục Chính Biên* (*Notes véridiques du Đại-Nam*). Trong *Bulletin de la Société des Etudes Indochinoises*, n.1, Sài Gòn : 1973, tr. 146-147.

6. *Quốc Triều Chánh Biên Toát Yếu* [*Abrégé de l’histoire de la dynastie nationale*]. Trong *Bulletin de la Société des Etudes Indochinoises*, n.1, Sài Gòn : 1973, tr. 147-148.

7. *Lịch Triều Hiến Chương Loại Chí* [*Règlements par matières des dynasties successives*], Phan Huy Chú. Trong *Bulletin de la Société des Etudes Indochinoises*, n.1, Sài Gòn : 1973, tr. 148.

8. *Minh-Mệnh Chính Yếu* [*Les méthodes fondamentales de gouvernement du règne de Minh-Mênh*]. Trong *Bulletin de la Société des Etudes Indochinoises*, n.1, Sài Gòn : 1973, tr. 148-149.

9. *Úc Trai Tập [Recueils d'Uc-Trai]*, Nguyễn Trãi. Trong *Bulletin de la Société des Etudes Indochinoises*, n.1, Sài Gòn : 1973, tr. 149-150.T
10. *Lê Quý Đôn toàn tập [Œuvres complètes de Lê Quý Đôn]*. Trong *Revue Historique*, Paris : tháng 4-6/1979, tr. 498-500.
11. *Giai Cấp Công Nhân Việt-Nam Những Năm Trước Khi Thành Lập Đảng [La classe ouvrière vietnamienne dans les années précédant la constitution du Parti]*, Ngô Văn Hòa & Dương Kinh Quốc, Hà Nội : Khoa học xã hội, 1978. Trong *Revue Historique*, Paris : tháng 7-9/1980, tr. 172-174.
12. *Le Việt-Nam au XXe siècle*, Pierre-Richard Féray, Presses universitaires de France, 1979. Trong *Revue Historique*, Paris : tháng 7-9/1980, tr. 212-214.
13. *Voyage to Tonking in the year Ất-Hoi 1876 [Một chuyến đi Bắc kỳ 1876]* , P.J. Honey dịch Anh ngữ và biên tập. Trong *Journal of the Royal Asiatic Society*, n.1, London: 1984, , pp. 173-176.
14. *L'Indochine française 1940-1945*, Pierre Brocheux, Paul Isoart..., Paris : Les Presses Universitaires de France, 1982. Trong *Revue Historique*, số tháng 1-3/1984, tr. 182-183.
15. *Le royaume du Laos 1949-1965*, Jean Deuve, Paris : EFEO, 1984. Trong *Revue Historique*, tháng 10-12/1985, tr. 563-564.
16. *The Red Earth: A Vietnamese memoir of life on a colonial rubber plantation*, Trần Tu Bình, Ohio University Press: 1985. Trong *Journal of Asian Studies*, vol. 45, issue 4, Cambridge University Press: 8/1986, tr. 920-922.
17. *New lamps for old: the transformation of the Vietnamese administrative elite et Resistance, rebellion, revolution: Popular movements in Vietnamese history*, Trương Bửu Lâm, 1982. Trong *Journal of Asian Studies*, vol. 46, issue 2, Cambridge University Press: 3/1987, tr. 463-465.
18. *Law and the State in traditional East Asia*. Trong *Revue Historique*, Paris : tháng 1-3/1988, tr. 248-249.
19. *French catholic missionaries and the politics of imperialism in Vietnam 1857-1914. A Documentary survey*, Patrick Tuck, Liverpool: Liverpool University Press, 1987. Trong *Revue Historique*, Paris: tháng 10-12/1988, tr. 554.
20. *L'empire vietnamien face à la France et à la Chine*, Yoshiharu Tsuboi, Paris: L'Harmattan, 1987. Trong *Journal of Southeast Asian Studies*, vol. 20, issue 2, Cambridge University Press: 1989, tr. 369-370.
21. *Two essays on Đại-Việt in the fourteenth century*, O.W. Wolters, Yale Univ Southeast Asia Studies, 1988. Trong *Journal of Southeast Asian Studies*, vol.21, issue 1, Cambridge University Press: 1990, tr.268-269.
22. *The Vietnamese tradition of human rights*, Tạ Văn Tài, University of California: 1988. Trong *Contemporary Southeast Asia*, vol. 11, n.4 , Singapor: ISEAS – Yusof Ishak Institute: tháng 3/1990), tr. 367-368.
23. *The Bunker papers. Reports to the President from Vietnam 1967-1973*, Berkeley: Institute of East Asian Studies, University of California,1990. Trong *Bulletin de l'Ecole française d'Extrême-Orient*, tome 78, Paris : 1991, tr. 363-365.

24. *Péninsule indochinoise. Etudes urbaines*, P.-B. Lafont chủ biên, Paris : L'Harmattan, 1991. Trong *Bulletin de l'Ecole française d'Extrême-Orient*, tome 80, Paris : 1993, tr. 317-318.
25. *Contribution à l'histoire de la principauté des Nguyễn au Vietnam méridional (1600-1775)*, Yang Baoyun, Genève : Edition Olizane, 1992. Trong *Revue française d'Histoire d'Outre-Mer*, n.302, Paris : 1994, tr. 126-128.
26. *Saigon 1925-1945. De la « Belle Colonie » à l'éclosion révolutionnaire ou la fin des dieux blancs*, Philippe Franchini chủ biên, Paris, Éditions Autrement, 1992. Trong *Revue française d'Histoire d'Outre-Mer*, n. 303, Paris : 1994, tr. 257-258.
27. *L'Indochine dans la littérature française des années vingt à 1954*, Henri Copin, Paris : L'Harmattan, 1996. Trong *The Vietnam Review*, n. 2, University of Michigan: 1997, tr. 564.
28. *Récits de voyage des Asiatiques. Genres, mentalité, conception de l'espace*, Claudine Salmon chủ biên, Paris, École Française d'Extrême-Orient : 1996. Trong *Etudes Chinoises*, vol. 16, issue 2 , Paris : 1997, tr. 182-185.
29. *Épigraphie en chinois du Viêt Nam. Vol. I : De l'occupation chinoise à la dynastie des Lý*, Phan Văn Các & Claudine Salmon chủ biên, EFEO - Coéditions, Viện Nghiên cứu Hán Nôm, 1998. Trong *Etudes Chinoises*, vol. 20, issue 1-2, Paris : 2001, tr. 294-295.
30. *A la recherche des Brou perdus, population monagnarde du Centre Indochinois*, Gábor Vargyas, Genève, Olizane, 2000. Trong *Bulletin de l'Ecole française d'Extrême-Orient*, tome 89, Paris : 2002, tr. 429-430.
31. *Introduction à l'histoire contemporaine du Viêt Nam de la réunification au néocommunisme (1975-2001)*, Philippe Langlet et Quách Thanh Tâm, Paris : Les Indes Savantes, 2001. Trong *Revue d'Histoire d'Outre-mer*, n.338-339, Paris : 2003, tr. 307-310.
32. *Vietnam : Domination coloniale et résistance nationale 1858-1914*, Charles Fourniau, Paris : Les Indes savantes, 2002. Trong *Revue Historique*, n. 629, Paris : tháng 1/2004), tr. 238-239.

[**Article hors Asie**] Nguyễn Thế Anh (1969), "Evolution morphologique du bassin de l'Adour" [Diễn tiến địa mạo lưu vực sông Adour] (tr. 11-19), và "L'évolution de la mise en valeur de la vallée de l'Adour" [Diễn tiến khai khẩn lưu vực sông Adour] (tr. 73-87). *Les bases biogéographiques de l'aménagement de la haute vallée de l'Adour* [Nền tảng địa lý sinh học của quy hoạch vùng thượng lưu sông Adour], Trong Toulouse : CNRS.

Thèses, Mémoires:

Essai de bibliographie critique de l'histoire de Béziers des origines au XIXe siècle, Toulouse : Univ. Toulouse 2 : Diplôme d'études supérieures : Histoire : 1961, 146 tr.

La monarchie des Nguyễn de la mort de Tự-Đức à 1925, Paris: Univ. Paris-Sorbonne, 1987, 744 tr., 3 tập và Index 34 tr.